TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bá Trung Án.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Não Thiên Minh Trí.
Bà Hứa Thị Mây Sum.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lương Thanh Tâm - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa*:** Bà Từ Nữ Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn T2, xã H, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Đại L, sinh năm: 1976; địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Đại L tiến tới hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 29/9/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại Bưu điện Văn hóa xã N nơi anh L công tác. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc, đến đầu năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L cho rằng mẹ ruột chị cho vợ chồng một lô đất thổ cư để xây nhà ở nhưng chị không chịu đưa sổ đỏ cho anh L giữ, chị không chịu chuyển hộ khẩu nhập chung hộ với anh L tại xã N.

Ngoài ra, do anh L hay ăn nhậu say xỉn về chửi mắng, xúc phạm vợ con từ đó dẫn đến cãi vã, xích mích nhau, có khi anh L còn đánh chị thương tích phải nhập viện. Trước đây, chị đã hai lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng do anh L thuyết phục và vì con còn nhỏ nên chị đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng sau đó anh L không hề thay đổi, vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và ngày càng tăng. Từ tháng 6 năm 2017 đến nay chị cùng các con về sống tại nhà cha mẹ ruột ở thôn T2, xã H, trong thời gian này hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Nay tình cảm giữa chị và anh L không còn, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, chị không muốn tiếp tục chung sống lại với anh L nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Nguyễn Văn M, sinh ngày 23/5/2012 và Lê Ngọc Minh H, sinh ngày 14/12/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L thì chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L yêu cầu được nuôi 01 con chung là Lê Nguyễn Văn M, chị không đồng ý vì chị không muốn chia lìa tình cảm các con, hiện nay cháu M đang học ổn định tại xã T, thường xuyên bệnh tật nên cần có sự chăm sóc của chị. Hơn nữa, từ khi vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chu đáo, anh L không hề có trách nhiệm với con, anh L thường xuyên nhậu nhẹt thiếu quan tâm đến con và hiện không có nơi ở ổn định chỉ sống tại Bưu điện Văn hóa xã N nên không đảm bảo về tinh thần, nơi ăn chốn ở, nơi học tập của con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Đại L trình bày: Anh thừa nhận thời gian, điều kiện đăng ký kết hôn, nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như chị T đã trình bày là đúng và anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Nguyễn Văn M, sinh ngày 23/5/2012 và Lê Ngọc Minh H, sinh ngày 14/12/2015, hiện các con đang sống với chị T. Anh đồng ý giao con chung là Lê Ngọc Minh H cho chị T được tiếp tục nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, anh kiên quyết yêu cầu được nuôi 01 con chung là Lê Nguyễn Văn M vì anh rất thương cháu M, mặc dù hiện nay anh sống tại Bưu điện Văn hóa xã N nơi anh công tác nhưng điều kiện chỗ ở vẫn ổn định, công việc và thu nhập đảm bảo để nuôi cháu M. Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam phát biểu ý kiến như sau: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu giải quyết nuôi con chung với anh Lê Đại L trú tại thôn 2, xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đại L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số: 34/2011, quyển số 01 ngày 29 tháng 9 năm 2011 là đúng quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc do anh L cho rằng mẹ ruột chị T cho một lô đất thổ cư để vợ chồng xây nhà ở nhưng chị T không chịu đưa sổ đỏ cho anh L giữ, chị T cũng không đồng ý nhập hộ khẩu về chung hộ với anh L dẫn đến sự việc anh L hay ăn nhậu say xỉn về chửi mắng, xúc phạm vợ con và có hành vi bạo lực gia đình nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Trước đây, chị T đã hai lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng do anh L thuyết phục và vì con còn nhỏ nên chị T đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng sau đó anh L không hề thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Đến nay hai bên không còn tình cảm và anh L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L.

[3]. Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là Lê Nguyễn Văn M, sinh ngày 23/5/2012 và Lê Ngọc Minh H, sinh ngày 14/12/2015. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, anh L yêu cầu trực tiếp nuôi 01 con chung Lê Nguyễn Văn M; không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do chị T và anh L không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con là cháu Lê Nguyễn Văn M nên Tòa án căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi.

Mặc dù chị T và anh L đều có nghề nghiệp ổn định (anh L là nhân viên bưu điện công tác tại Bưu điện Văn hóa xã N, chị T là nhân viên y tế công tác tại Trạm y tế phường Thành Sơn), mức thu nhập gần bằng nhau. Tuy nhiên, từ khi chị T và anh L ly thân, dù không nhận được sự hỗ trợ về kinh tế của anh L nhưng chị T vẫn một mình nuôi con chu đáo, đảm bảo cho đến nay; chị T cùng các con đã sống ổn định tại nhà cha mẹ chị T ở thôn Tân Sơn 2, xã Thành Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Tại thời điểm xét xử, cháu Minh đã được học tập ổn định tại Trường Mẫu giáo Thành Hải, xã Thành Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm gần nơi chị T đang sinh sống, làm việc. Tính đến ngày xét xử cháu Minh còn nhỏ chỉ hơn 05 tuổi 03 tháng nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc chu đáo của người mẹ, đặc biệt là khi ốm đau, nếu được ở với mẹ sẽ có những điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển tâm sinh lý, đồng thời giúp các con gắn bó tình cảm hơn với nhau. Bênh

cạnh đó, anh L cũng thừa nhận nếu được nuôi cháu M thì anh và cháu M vẫn tiếp tục sinh sống tại Bưu điện Văn hóa xã N nơi anh công tác vì nhà mẹ ruột của anh đã có các em sinh sống, điều này sẽ không tốt cho sự phát triển thể chất và tinh thần của cháu M. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giao cho chị T được trực tiếp nuôi 02 con chung Lê Nguyễn Văn M, sinh ngày 23/5/2012 và Lê Ngọc Minh H, sinh ngày 14/12/2015 là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Lê Đại L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Đại L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đại L.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T.

Giao 02 con chung Lê Nguyễn Văn M, sinh ngày 23/5/2012 và Lê Ngọc Minh H, sinh ngày 14/12/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi. Anh Lê Đại L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu.

Anh Lê Đại L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Đại L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0010998 ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam; chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19-9-2017).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bá Trung Án